

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2019

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ven;
2. Ông Nguyễn Đức Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc E - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: ấp 4, xã MQD, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Thanh M - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: ấp 3, xã MQD, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-6-2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc E trình bày: Bà và ông Đặng Thanh M chung sống có đăng ký kết hôn ngày 23-6-2015 tại Ủy ban nhân xã MQD. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông M thường xuyên chửi bới, hăm dọa, bạo hành và ngược đãi bà; vợ chồng đã ly thân từ ngày 07-6-2019 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Đặng Thanh M.

Về nuôi con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Đặng Ngọc Minh C, sinh ngày 03-11-2017; Con chung sống chung với bà, đến ngày 06-8-2019 ông M cố tình đưa con chung về sống với ông M không được sự đồng ý của bà. Khi ly hôn, bà

yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung, bà yêu cầu ông M giao lại con chung cho bà trực tiếp nuôi.

Về chia tài sản chung: Trong đơn khởi kiện trước đây bà có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là giá trị xe mô tô Sh Mode; Hiện tại, bà xin rút lại yêu cầu về chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Số nợ mà ông M trình bày không phải là nợ chung do ông M tự vay, bà không biết, nên ông M tự chịu trách nhiệm, không liên quan đến bà.

- Tại Bản tự khai ngày 04-7-2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là ông Đặng Thanh M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Ngọc E về ngày tháng năm chung sống và đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, về con chung, việc để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Võ Thị Ngọc E vì ông vẫn còn thương vợ con, con còn nhỏ.

Về nuôi con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà E ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà E cấp dưỡng.

Về chia nợ chung: Có nợ chung Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh H - Long An 170.000.000 đồng, khi ly hôn, ông xin chịu trách nhiệm trả số nợ nói trên, không yêu cầu bà E cùng trả.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị Ngọc E khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đặng Thanh M, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà E và ông M chung sống có đăng ký kết hôn ngày 23-6-2015 tại Ủy ban nhân xã MQD, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà E và ông M là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà E và yêu cầu đoàn tụ của ông M:

Bà E yêu cầu ly hôn; Bà E đưa ra tài liệu, chứng cứ là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPVPHC ngày 12-6-2019, Biên lai thu tiền phạt số

0000151 ngày 18-6-2019 và xác nhận ngày 20-8-2019 về việc ông M giành nuôi con chung không giao lại cho bà E nuôi, các văn bản cùng của Công an xã MQD.

Xét bà E và ông M xảy ra mâu thuẫn do ông M nhục mạ, bạo hành và ngược đãi bà E, ông M bị xử lý hành chính ngày 12-6-2019; ông bà đã ly thân từ ngày 07-6-2019 và hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà E và ông M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà E yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Ngược lại, yêu cầu đoàn tụ của ông M là không có căn cứ chấp nhận. Ông M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ và hợp pháp; Từ khi xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay, ông M không có giải pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình;

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Xét về người trực tiếp nuôi con chung:

Bà E yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Chứng cứ bà E đưa ra là xác nhận ngày 20-8-2019 của Công an xã MQD về việc ông M giành nuôi con chung không giao lại cho bà E nuôi và xác nhận ngày 16-7-2019 của Ban Giám hiệu trường mầm non Rạng Đông về mức lương của bà E.

Xét con chung tên Đặng Ngọc Minh C, sinh ngày 03-11-2017, dưới 36 tháng tuổi, giới tính nữ, sống chung với bà E từ trước, đến ngày 06-8-2019 ông M cố tình đưa con chung về nuôi không được sự thống nhất của bà E; việc thay đổi môi trường sống từ mẹ trực tiếp nuôi sang cha trực tiếp nuôi sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc con chung và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con chung. Yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà E phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên chấp nhận. Ngược lại, ông M cố tình đưa con chung dưới 36 tháng tuổi về nuôi không được sự thống nhất của bà E là không đúng quy định pháp luật; ông M yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà E trực tiếp nuôi con chung sẽ ảnh hưởng về quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, nên không có căn cứ chấp nhận. Ông M đang trực tiếp nuôi con chung nên có nghĩa vụ giao con chung cho bà E trực tiếp nuôi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà E không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4.3] Ông M được quyền thăm nom và chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà E và ông M được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về chia tài sản chung: Trong đơn khởi kiện đề ngày 11-6-2019 bà E yêu cầu chia tài sản chung là giá trị xe mô tô Sh Mode; Ngày 20-8-2019 bà E có đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung, đề bà và ông M tự thỏa thuận giải quyết; Ông M không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung, thống nhất việc đề vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc bà E rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà E là phù hợp; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng vụ án khác là phù hợp.

[6] Xét về chia nợ chung: Ông M cho rằng có nợ chung của Agribank Chi nhánh H - Long An 170.000.000 đồng, khi ly hôn, ông đồng ý trả số nợ nói trên, không yêu cầu bà E cùng trả. Bà E cho rằng số nợ mà ông M trình bày không phải là nợ chung, do ông M tự vay, bà không biết, nên ông M tự chịu trách nhiệm, không liên quan đến bà E. Tòa án đã cho thời gian để ông M cung cấp tài liệu, chứng cứ để có căn cứ thông báo việc thụ lý vụ án cho Agribank Chi nhánh H - Long An, nhưng ông M không cung cấp; Do đó, Tòa án không có căn cứ đưa Agribank Chi nhánh H - Long An tham gia tố tụng. Nếu xảy ra tranh chấp về chia nợ chung, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà E là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà E đã nộp đủ án phí; Bà E rút yêu cầu về chia tài sản chung, được trả lại 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung đã nộp. Ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc E được ly hôn với ông Đặng Thanh M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Võ Thị Ngọc E được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Ngọc Minh C, sinh ngày 03-11-2017, con chung đang sống với ông Đặng Thanh M. Buộc ông Đặng Thanh M có nghĩa vụ giao con chung tên Đặng Ngọc Minh C cho bà E trực tiếp nuôi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Đặng Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà E và ông M được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là giá trị xe mô tô Sh Mode của bà Võ Thị Ngọc E. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004583 ngày 18-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

Trả lại cho bà Bà Võ Thị Ngọc E 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004582 ngày 18-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30-8-2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQD (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương